

Số: 144 /TB-UBND

Giang Thành, ngày 18 tháng 3 năm 2024

**THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**  
**Để thực hiện Công trình Đường dây 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên**  
**trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Điểm c, Khoản 2, Điều 62 Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 847/UBND-KTTH ngày 14 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thỏa thuận hướng tuyến Công trình “Đường dây 110kV Tịnh Biên – Hà Tiên”;



Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-EVN SPC ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tổng Công ty điện lực Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Công trình: Đường dây 110 kV Tịnh Biên – Hà Tiên;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 59/TTr-TNMT ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành thông báo như sau:

**1. Thu hồi đất** của ông (bà) Tiên Không.

- Địa chỉ thường trú: ấp Tiên Khánh, xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 21,80m<sup>2</sup>.

- Thửa đất số 0; thuộc tờ bản đồ số 0; tại ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Loại đất đang sử dụng: Đất trồng lúa.

Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo địa chính số: 130-2024, do Công ty TNHH Đầu Tư Đo Đạc Đông Dương lập ngày 27/02/2024 kèm theo.

**2. Lý do thu hồi đất:** Thực hiện Công trình Đường dây 110kV Tịnh Biên – Hà Tiên trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

**3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:**

Thực hiện trong tháng 3, 4 năm 2024 (khi thực hiện sẽ có thông báo lịch làm việc cụ thể).

Ông (bà) Tiên Không có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND xã Vĩnh Điều thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp ông (bà) Tiên Không không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật. /.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Phòng TN và MT;
- Chi nhánh VPĐKKĐ huyện;
- Trung tâm Văn hoá Thể thao và Truyền thanh huyện Giang Thành (thông báo phổ biến 3 ngày liên tục);
- UBND xã Vĩnh Điều (niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi);
- Công ty TNHH Đầu Tư Đo Đạc Đông Dương;
- Công ty điện lực Kiên Giang;
- Ông (bà) Tiên Không;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

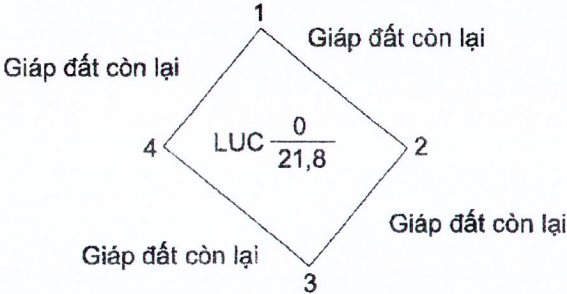


Bùi Văn Mên

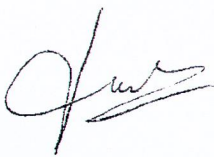
**XÃ VĨNH ĐIỀU**  
**MẢNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ: ...130...- 2024**  
**HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, ÁP VĨNH LỢI, TỜ SỐ 0, MỘT PHẦN THỪA 0 (GCN)**

**TỈNH KIÊN GIANG HUYỆN GIANG THÀNH**

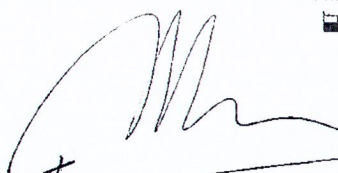
**TĐ ...130... - 2024**

| 516<br>1155<br>362                | 682                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 700       | 720      | 516<br>1155<br>362                |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|-----------------------------------|--|--|--|------|--------|--|----------|---|---|---|------------|-----------|------|---|------------|-----------|---|------------|-----------|------|---|------------|-----------|------|---|------------|-----------|------|-----|
| 360                               | <p>- Dự án: Đường điện 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên, trên địa bàn huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang</p> <p>- Chủ sử dụng đất: Tiên Không</p> <div></div> <table><tr><th colspan="4">Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa</th></tr><tr><th rowspan="2">Điểm</th><th colspan="2">Tọa độ</th><th rowspan="2">Cạnh (m)</th></tr><tr><th>X</th><th>Y</th></tr><tr><td>1</td><td>1155355,16</td><td>516698,61</td><td rowspan="2">5,20</td></tr><tr><td>2</td><td>1155351,86</td><td>516702,63</td></tr><tr><td>3</td><td>1155348,61</td><td>516699,97</td><td>4,20</td></tr><tr><td>4</td><td>1155351,91</td><td>516695,95</td><td>5,20</td></tr><tr><td>1</td><td>1155355,16</td><td>516698,61</td><td>4,20</td></tr></table> <p>Hệ tọa độ VN-2000<br/>Kinh tuyến trực 104° 30', múi chiều 3°</p> |           |          | Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa |  |  |  | Điểm | Tọa độ |  | Cạnh (m) | X | Y | 1 | 1155355,16 | 516698,61 | 5,20 | 2 | 1155351,86 | 516702,63 | 3 | 1155348,61 | 516699,97 | 4,20 | 4 | 1155351,91 | 516695,95 | 5,20 | 1 | 1155355,16 | 516698,61 | 4,20 | 360 |
| Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |          |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| Điểm                              | Tọa độ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           | Cạnh (m) |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
|                                   | X                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Y         |          |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 1                                 | 1155355,16                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 516698,61 | 5,20     |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 2                                 | 1155351,86                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 516702,63 |          |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 3                                 | 1155348,61                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 516699,97 | 4,20     |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 4                                 | 1155351,91                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 516695,95 | 5,20     |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 1                                 | 1155355,16                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 516698,61 | 4,20     |                                   |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 1155<br>342                       | <p>Ghi chú: - Mảnh trích đo địa chính kèm theo thông báo thu hồi đất.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |          | 1155<br>342                       |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |
| 516                               | 682                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 700       | 720      | 516<br>730                        |  |  |  |      |        |  |          |   |   |   |            |           |      |   |            |           |   |            |           |      |   |            |           |      |   |            |           |      |     |

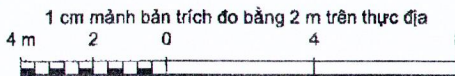
Ngày 02 tháng 02 năm 2024  
Người đo vẽ

  
Trần Quốc Pử

Ngày 02 tháng 02 năm 2024  
Người kiểm tra

  
Trần Thị Tuyết Mươi

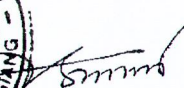
**TỶ LỆ: 1:200**



Duyệt, Ngày 02 tháng 02 năm 2024

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐO ĐẠC ĐỒNG DƯƠNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
Huỳnh Kim Chung